

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-PT
Ngày: 23-5-2018
V/v: Tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hà Nam

Ông Phạm Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thuý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C (tên gọi khác là Ninh Thị L); cư trú tại: Đội 12, thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Ninh Văn P.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị H

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Ninh Văn P: Chị Nguyễn Thị H (Theo văn bản uỷ quyền ngày 30-11-2016).

Cùng cư trú tại: Đội 12, thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị C là nguyên đơn trong vụ án

Tại phiên tòa: Ngày 18/5 có mặt bà C và chị H. Ngày 23/5 có mặt bà C, chị H vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án bà Nguyễn Thị C trình bày: Nguồn gốc đất của gia đình bà có một phần của bà Ninh Thị N (chị dâu) cho từ năm 1970 và một phần là 04 miếng đất ao được thừa kế của ông cha để lại. Theo hồ sơ địa chính xã T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số 327/QĐ-UB ngày 21-9-1995 mang tên bà Ninh Thị L có diện tích $335m^2$, đất của gia đình nhà anh P chỉ có 04 miếng đất ao khoảng $144m^2$. Năm 1983 gia đình bà xây nhà, khoảng năm 1988 đến năm 1990 gia đình bà lấp 04 miếng đất ao để làm vườn, đến năm 2000 gia đình bà xây quán bán hàng, tường bao và cổng phía giáp đường đã xây lùi vào 01 mét để cho đường rộng ra và nhà anh P cũng xây lùi vào như nhà bà để mở rộng đường. Nhưng hiện vẫn còn dấu tích là bức tường bao phía giáp nhà anh P gia đình bà chưa phá dỡ. Từ năm 1993 đến năm 1995 bà đi làm ở Tuyên Quang, gia đình anh P xây nhà làm máy sát đã lấn sang đất nhà bà, khi gia đình anh P làm nhà mái bằng, phần tường phía trên thì xây đúng đất nhưng vì làm móng bê nên phần móng đã làm sang đất nhà bà, đến năm 2007 anh P cải tạo làm nhà 2 tầng và xây thêm nhà ở phía sau anh P đã xây tường thẳng với mép ngoài của móng nhà phía trước, nên bức tường của căn nhà phía sau đã xây sang đất nhà bà. Nay bà xác định gia đình anh P làm nhà đã lấn sang đất nhà bà $13m^2$. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình anh P phải dỡ nhà trả đất cho bà.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án chị Nguyễn Thị H trình bày: Nguồn gốc đất của gia đình chị đang ở là của ông cha để lại cho bố chồng chị tên là Ninh Quý S. Năm 1998 ông S làm nhà cho vợ chồng chị và hiện nay vợ chồng chị đang quản lý sử dụng và được thừa kế tài sản do bố mẹ để lại. Đất nhà bà C do xây lùi tường bao vào khi đo lại thấy thiếu đất đã cho rằng gia đình chị lấn chiếm, vợ chồng chị chỉ là người thừa kế, nên mốc giới đất cũng như diện tích như thế nào chị không biết.

Kết quả thẩm định, định giá tài sản như sau: Diện tích đất của hộ bà C $324m^2$. Diện tích nhà anh P $148m^2$ (Đo từ đầu bức tường bao của nhà bà C phía giáp nhà anh P hiện chưa phá dỡ nên đã bao gồm cả phần đất trước đây hai nhà đã tự nguyện xây lùi vào để mở rộng đường). Giá đất được xác định là $800.000đ/1m^2$

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã căn cứ vào các Điều 221, 233 Bộ luật Dân sự năm 2015,

Bác yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C đối với anh Ninh Văn P và chị Nguyễn Thị H.

Ngày 10-10-2017 bà Nguyễn Thị C là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm vì hoàn toàn bà không trình bày gia đình bà chỉ có $330m^2$, mà đất nhà bà là $335m^2$. Bà đề nghị làm rõ việc Nhà nước khi cấp GCNQSDĐ có đo đạc lại hay chỉ căn cứ Bản đồ và đơn kê khai của chủ sử dụng đất để cấp GCNQSDĐ như Bản án sơ thẩm đã nêu. Việc Bản án sơ

thẩm cho rằng đất gia đình bà thiếu là do gia đình bà xây dựng thay đổi hiện trạng đã tự để thừa ra đường là không đúng. Đề nghị cấp phúc thẩm đo đạc lại để làm rõ vì sao đất hộ anh P đang sử dụng thừa so với diện tích trên Bản đồ, còn diện tích đất gia đình bà đang sử dụng lại thiếu so với Bản đồ và GCNQSDĐ.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Kết quả đo đạc tại cấp phúc thẩm vẫn chưa chính xác vẫn không đo phần đất giáp đường của gia đình chị H. Khi anh P, chị H xây nhà bà đi làm ở Tuyên Quang, các con bà đã phản đối, sau đó bà về cũng đã có ý kiến nên chị H đã phải nói với bà xin làm nhờ phần móng sang đất của gia đình bà. Khi đó tình cảm 2 gia đình còn tốt đẹp nên bà không làm đơn yêu cầu giải quyết việc gia đình chị H lấn đất. Đến khi bà đo đạc lại thấy thiếu đất bà đã nói với gia đình chị H. Chính chị H còn mang tiền sang nhà bà đề nghị được thanh toán, khi đó bà yêu cầu phải anh P trực tiếp sang có lời với bà, nhưng anh P không thực hiện còn cho rằng bà cậy gia đình liệt sỹ chuyên kiện cáo. Vì vậy, bà đề nghị Toà án làm rõ việc anh P xây nhà sang đất của bà và buộc anh P, chị H phải tháo dỡ công trình trả đất cho bà chứ bà không chấp nhận lấy bằng tiền. Nếu chị H, anh P không nhận sử dụng 1,3m² khe giữa 2 nhà thì đề nghị giao cho bà sử dụng phần đất đó và nếu có móng nhà anh P, chị H phía dưới bà sẽ chặt đi.

Chị H trình bày: Bà C chưa khi nào đi làm ăn xa nhà, khi gia đình chị xây nhà, bà C đã nhờ cán bộ địa chính xuống đo đạc cắm mốc, nhưng bà C vẫn cho rằng chưa đo đúng mốc giới, nên gia đình chị còn phải chủ động xây lùi vào phía đất nhà chị thêm 10cm nữa. Phía ngoài tường nhà của gia đình chị hiện nay còn có móng xây ra phía nhà bà C 40 cm nữa. Chị không biết lý do vì sao trên Bản đồ lại ghi đất của gia đình chị có 120m² đất, còn vợ chồng chị chỉ biết ở nên chị không biết diện tích cụ thể và cũng không có GCNQSDĐ để xuất trình. Việc cấp phúc thẩm đo 148,8m² là đo cả ra phần đất giáp đường gia đình chị không được sử dụng nên chị không nhất trí. Gia đình chị không lấn đất của ai, không kiện cáo ai nên chị không có nghĩa vụ phải chỉ mốc giới, cũng không phải ký bất cứ tài liệu gì. Chị cũng không có nghĩa vụ phải cung cấp tên địa chỉ anh chị em của anh P. Gia đình chị nếu có thừa đất là lấn ra ngõ đi, không liên quan gì đến gia đình bà C. Vì tôn trọng Toà, hôm nay chị mới có mặt, tuy nhiên chị sẽ không đến lần nào nữa và cũng không chịu trách nhiệm thông báo nội dung gì cho các anh chị em của anh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Thừa đất anh P, chị H đang sử dụng có nguồn gốc của ông S liên quan đến quyền thừa kế, cấp sơ thẩm không đưa các con ông S vào tham gia tố tụng là bỏ sót người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Mặt khác, theo chị H trình bày gia đình chị H còn làm móng chìm rộng 40cm sang phía đất hộ bà C, cấp sơ thẩm chưa khảo sát để làm rõ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về diện tích đất hộ bà C thấy rằng: Căn cứ lời khai bà C tại biên bản lấy lời khai ngày 18-5-2017 (BL 51) thể hiện thửa đất gia đình bà C hiện đang sử dụng được nhập từ 2 thửa. Thửa thứ nhất bà C được chị dâu là bà Ninh Thị N cho vào năm 1970 khi bà N chuyển nhà vào Lâm Đồng và bà C được sử dụng 1/2 thửa đất số 431 do ông cha để lại. Mặc dù Bản đồ địa chính xã T năm 1991 thể hiện hộ gia đình bà C được sử dụng diện tích 335m² và đến năm 1995 hộ gia đình bà C được cấp GCNQSDĐ diện tích 335m². Tuy nhiên, căn cứ Bản đồ gốc năm 1986 thửa 430 tờ bản đồ số 2 là thửa bà N cho bà C có diện tích 190m². Còn thửa 431 của ông cha bà C để lại có diện tích 280m². Bà C được sử dụng 1/2=140m² của thửa 431. Tổng cộng, hộ bà C chỉ được sử dụng 190+140=330m². Bà C trình bày thửa đất 431 ông cha để lại có diện tích 288m² nhưng không xuất trình được bất cứ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, căn cứ vào việc kiểm tra số liệu cơ học theo tỷ lệ 1/1000 trên Bản đồ địa chính xã T đo đạc năm 1991 hộ bà C cũng chỉ có diện tích là 330m². Do đó, cấp sơ thẩm xác định thửa đất hộ bà C có diện tích 330m² là đúng. Như vậy, nội dung cung cấp của chính quyền địa phương xã T tại Biên bản xác minh ngày 18-9-2017 (BL58) về việc khi GCNQSDĐ cho các hộ chỉ căn cứ vào số liệu ghi trên Bản đồ và đơn kê khai của chủ sử dụng, không đo đạc khảo sát thực tế đất là có cơ sở, nên GCNQSDĐ đã cấp cho hộ bà C và hộ anh P đều không khớp so với kết quả đo đạc hiện trạng.

[2] Đối với phần đất 1,3m² khe giữa 2 nhà, khi cấp phúc thẩm tiến hành đo đạc bà C không chấp nhận đo vào diện tích nhà bà C vì cho rằng phía dưới có móng nhà của gia đình anh P, nên cần được tính vào diện tích và giao cho gia đình anh P sử dụng vừa để ranh giới giữa 2 nhà là một đường thẳng, vừa đảm bảo thẩm mỹ, vừa để đảm bảo an toàn cho ngôi nhà 2 tầng là công trình kiên cố gia đình anh P đã xây dựng. Như vậy, so sánh kết quả đo đạc hiện trạng của cấp phúc thẩm vào ngày 14-5-2018 hộ bà C đang sử dụng 321,5m² với số liệu theo Bản đồ gốc đo đạc năm 1986 hộ bà C có 330m² xác định hộ bà C đang sử dụng thiếu 8,5m².

[3] Đối với diện tích đất hộ anh P đang sử dụng, nguồn gốc được thừa kế 1/2 thửa đất 431 của ông cha để lại nên tương ứng với diện tích 140m². Đến Bản đồ năm 1991 thửa đất chỉ còn 120m², lý do vì sao diện tích giảm đi 20m² thì cả gia đình anh P và chính quyền địa phương đều không nắm được. Tại đơn đăng ký kê khai xin cấp GCNQSDĐ năm 1995 ông S (bố anh P) chỉ kê khai diện tích 120m². Nên GCNQSDĐ cấp cho ông S chỉ có 120 m² đất ao. Như vậy, đối chiếu số liệu diện tích ghi nhận tại Bản đồ năm 1991 và GCNQSDĐ với kết quả đo đạc hiện trạng (148,8m²+1,3m² khe giữa 2 nhà =150,1m²) thì thửa đất hộ anh P đang sử dụng thừa 30,1m². Lý do thừa anh P trình bày do sử dụng đất của bố mẹ để lại nên không biết, còn cán bộ địa chính xã T thì cho rằng do quá trình sử dụng gia đình anh P đã lấn ra ngõ đi chung. Tuy nhiên, so sánh kích thước ngõ đi giáp thửa đất

hộ anh P đang sử dụng thể hiện tại Bản đồ năm 1986 và Bản đồ năm 1991 cho thấy hộ anh P có xây dựng công trình lấn ra ngõ đi chung chiều ngang khoảng 1,1m chiều dài khoảng 16m, xác định gia đình anh P xây công trình đã lấn ra ngõ đi chung khoảng trên dưới 17m², như vậy hộ anh P vẫn còn sử dụng thừa đến trên 10 m² mà không chứng minh được lý do vì sao. Nếu căn cứ theo Bản đồ năm 1986 xác định diện tích đất hộ anh P có 140m² thì hộ gia đình anh P vẫn sử dụng thừa 10,1m².

[4] Như vậy, có căn cứ cho rằng mặc dù khi gia đình anh P khi làm nhà không cố ý, thậm chí đã làm lùi vào so với ranh giới cũ nhưng do không đo đạc kiểm tra lại diện tích nên đã xây dựng sang một phần đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà C tương ứng với diện tích gia đình bà C hiện bị thiếu. Việc chị H trình bày khi gia đình chị làm nhà bà C có nhờ cán bộ địa chính xuống đo đạc, bà C không thừa nhận, chị H không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của bà C buộc gia đình anh P, chị H phải trả bằng đất thấy rằng, việc gia đình anh P xây nhà sang đất nhà bà C nguyên nhân một phần do đã căn cứ tường của gia đình bà C xây dựng từ trước. Bà C chưa khi nào nói cho gia đình anh P biết về việc nguồn gốc là đất ao nên khi xây tường đã phải xây lùi vào để bảo đảm an toàn cho bức tường. Gia đình bà C cũng không có ý kiến khiếu nại đề nghị can thiệp ngay khi gia đình anh P xây dựng. Nay để đảm bảo nguyên tắc bảo vệ giá trị tài sản, tránh lãng phí, không thể buộc gia đình anh P phải phá dỡ một phần tường nhà trả đất sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết cấu của công trình, chỉ có thể buộc gia đình anh P phải thanh toán cho gia đình bà C bằng giá trị đối với phần diện tích đã xây dựng công trình sang đất hộ bà C. Căn cứ kết quả định giá của cấp sơ thẩm xác định 1 m² đất có giá 800.000đ. Nên cần buộc vợ chồng anh P phải bồi thường cho gia đình bà C $800.000\text{đ} \times 8,5\text{m}^2 = 6.800.000\text{đ}$.

[6] Chị H trình bày đất của ông S nên vợ chồng chị không được quản lý GCNQSDĐ. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tham gia tại cấp sơ thẩm anh P, chị H đều trình bày về việc anh chị đã được thừa kế đất của ông S, khi hoà giải ở cơ sở anh P trình bày nhà do anh xây dựng vào năm 1998. Theo tài liệu chính quyền xã T cung cấp thì đã có biên bản thoả thuận anh chị em trong gia đình đã ký biên bản thống nhất cho vợ chồng anh P được quyền thừa kế thừa đất ông S để lại. Toà án cấp phúc thẩm cũng đã yêu cầu chị H cung cấp họ tên địa chỉ các con ông S nhưng chị H không chấp hành. Vì vậy, cần buộc anh P, chị H phải tự chịu trách nhiệm bồi thường cho gia đình bà C. Nếu anh P, chị H đưa ra được căn cứ chứng minh có nghĩa vụ của người khác anh P, chị H được quyền yêu cầu hoàn lại khoản tiền phải trả cho bà C. Mặt khác, hiện hai bên đều đã xây dựng công trình, khó có điều kiện khảo sát lại phần móng chìm như chị H trình bày. Hơn nữa công trình của gia đình anh P, chị H làm sau sẽ không bao giờ có việc làm móng vượt qua được tường của gia đình bà C đã làm từ trước. Do vậy không có căn cứ chấp nhận quan điểm Kiểm sát viên đề nghị huỷ án sơ thẩm giải quyết lại để đưa các con ông S vào tham gia tố tụng và khảo sát lại móng nhà anh P, chị H.

[7] Về chi phí đo đạc: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên anh P, chị H phải chịu chi phí đo đạc tại cấp sơ thẩm. Bà C yêu cầu cấp phúc thẩm tiến hành đo đạc lại vì cho rằng nếu đo đúng mốc giới cũ phía giáp đường thửa đất hộ anh P còn tăng thêm 8,66m² nữa, tổng diện tích hộ anh P sẽ là 156m². Tuy nhiên kết quả đo đạc lại thửa đất hộ anh P chỉ là 148,8m². Đối với diện tích thửa đất hộ bà C khi cấp sơ thẩm tiến hành đo đạc căn cứ điểm mốc do chính bà C nhận đã tính cả phần đất 1,3m² khe giữa 2 nhà vào diện tích nhà bà C, nên diện tích đất nhà bà C là 324m², khi cấp phúc thẩm đo đạc lại bà C không chấp nhận tính khe giữa 2 nhà 1,3m² vào diện tích hộ bà C nên kết quả đo đạc cấp phúc thẩm 321,4m² (nếu tính cả 1,3m² khe giữa 2 nhà diện tích nhà bà C sẽ là 322,9m², chỉ chênh lệch 1,1m² là sai số trong giới hạn cho phép. Nên chi phí đo đạc ở cấp phúc thẩm cần buộc cả gia đình bà C và gia đình anh P, chị H phải chịu, mỗi gia đình phải chịu 1/2 chi phí đo đạc.

[8] Về án phí: Anh P, chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm vì yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận. Do sửa án sơ thẩm nên án phí phúc thẩm người kháng cáo không phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 BLTTDS năm 2015, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, sửa Bản án sơ thẩm

Căn cứ Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C đối với anh Ninh Văn P và chị Nguyễn Thị H;

2. Xác định một phần nhà của vợ chồng anh Ninh Văn P và chị Nguyễn Thị H đã xây sang phần đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Nguyễn Thị C;

3. Giao cho vợ chồng anh Ninh Văn P và chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 8,5m² thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Nguyễn Thị C. Nhưng anh Ninh Văn P và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị C 6.800.000đ tiền trị giá 8,5m² đất và có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị C 3.000.000đ tiền chi phí đo đạc mà bà C đã nộp cho cấp sơ thẩm và 3.000.000đ chi phí đo đạc mà bà C đã nộp cho cấp phúc thẩm; tổng cộng anh Ninh Văn P và chị Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị C 12.800.000đ (Mười hai triệu tám trăm ngàn đồng)

4. Bà Nguyễn Thị C phải chịu 3.000.000đ chi phí đo đạc tại cấp phúc thẩm (Bà C đã nộp đủ).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại diện tích đất ghi trong GCNQSDĐ cho đúng với hiện trạng;

5. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 BLTTDS năm 2015, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên anh Ninh Văn P và chị Nguyễn Thị H phải nộp 340.000đ (Ba trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Tuyên trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà C đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000836 ngày 10-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THA huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết